



DUNG DỊCH UỐNG

SOHACARBO 750mg/10ml

Carbocisteine 750 mg/10 ml

WHO-GMP

DUNG DỊCH UỐNG

Hộp 30 gói x 10 ml

SOHACARBO 750mg/10ml

Carbocisteine 750 mg/10 ml



SOHAVIMEX

Cơ sở sản xuất: CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM SOHA VIMEX
Đường N1 - Khu công nghiệp Yên Mỹ II, Thị trấn Yên Mỹ, Huyện Yên Mỹ, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam.
Phone: 02217306996/E-mail: sohavimex@sohacogroup.com.vn

Thành phần:

Mỗi 10 ml dung dịch chứa:

Carbocisteine.....750 mg

Chỉ định, cách dùng, chống chỉ định và các thông tin khác: xem trong tờ hướng dẫn sử dụng thuốc kèm theo.

Tiêu chuẩn: TCCS

Bảo quản: Nơi khô ráo, nhiệt độ dưới 30°C, tránh ánh sáng.

Để xa tầm tay trẻ em.

Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng.

SDK/Visa No.:

LSX/Batch No

NSX/Mfg. Date

HD/Exp. Date

SOHAVIMEX

ORAL SOLUTION

Box of 30 sachets x 10 ml

SOHACARBO 750mg/10ml

Carbocisteine 750 mg/10 ml



Manufacturer: SOHA VIMEX PHARMACEUTICAL JOINT STOCK COMPANY
N1 Road - Yen My II Industrial Zone, Yen My Town, Yen My District, Hung Yen Province, Vietnam.
Phone: 02217306996/E-mail: sohavimex@sohacogroup.com.vn

Nhãn Hộp

WHO-GMP

Composition:

Each 10 ml solution contains:

Carbocisteine.....750 mg

Indications, administration, contraindications and further information: please refer to the package insert.

Specification: in-house

Storage: Store in a dry place at temperature below 30°C, avoiding light.

Keep out of reach of children.

Read the package insert carefully before use.

Barcode

NHÃN GÓI

	DUNG DỊCH UỐNG SOHACARBO 750mg/10ml Carbocisteine 750 mg/10 ml WHO-GMP Gói 10 ml 
Thành phần: Mỗi 10 ml dung dịch chứa: Carbocisteine..... 750 mg Chỉ định, cách dùng, chống chỉ định và các thông tin khác: xem trong tờ hướng dẫn sử dụng thuốc kèm theo. Tiêu chuẩn: TCCS Bảo quản: Nơi khô ráo, nhiệt độ dưới 30°C, tránh ánh sáng. Để xa tầm tay trẻ em. Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng. SĐK/Visa No.: Cơ sở sản xuất: CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM SOHA VIMEX LSX/Batch No HD/Exp. Date Barcode	





Nhãn hộp

DUNG DỊCH UỐNG

SOHACARBO 750mg/10ml

Carbocisteine 750 mg/10 ml

WHO-GMP

DUNG DỊCH UỐNG

SOHACARBO 750mg/10ml

Carbocisteine 750 mg/10 ml

Hộp 30 ống x 10 ml



Sản xuất tại: CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM SOHA VIMEX
Đường N1 - Khu công nghiệp Yên Mỹ II, Thị trấn Yên Mỹ, Huyện
Yên Mỹ, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam.
SĐT: 02217306996/E-mail: sohavimex@sohacogroup.com.vn

Thành phần:

Mỗi 10 ml dung dịch chứa:
Carbocisteine..... 750 mg

Chỉ định, cách dùng, chống chỉ định và
các thông tin khác: xem trong tờ hướng
dẫn sử dụng thuốc kèm theo.

Tiêu chuẩn: TCCS

Bảo quản: Nơi khô ráo, nhiệt độ dưới
30°C, tránh ánh sáng.

Để xa tầm tay trẻ em.

Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi
dùng.

KHÔNG ĐƯỢC TIÊM

SDK/Visa No.:

LSX/Batch No

NSX/Mfg. Date

HD/Exp. Date

ORAL SOLUTION

SOHACARBO 750mg/10ml

Carbocisteine 750 mg/10 ml

Box of 30 ampules x 10 ml

WHO-GMP



Manufacturer: SOHA VIMEX PHARMACEUTICAL JOINT STOCK COMPANY
N1 Road - Yen My II Industrial Zone, Yen My Town, Yen My District,
Hung Yen Province, Vietnam.
Phone: 02217306996/E-mail: sohavimex@sohacogroup.com.vn

Composition:

Each 10 ml solution contains:
Carbocisteine..... 750 mg

Indications, administration, contraindications and further information:
please refer to the package insert.

Specification: In-house

Storage: Store in a dry place at tem-
perature below 30°C, avoiding light.

Keep out of reach of children.

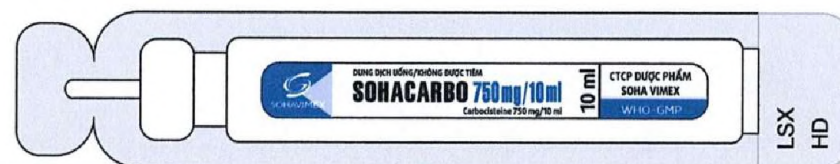
Read the package insert carefully
before use.

NO INJECTION

Mã vạch



Nhãn ống





Ta hướng dẫn sử dụng thuốc

SOHACARBO 750 mg/10 ml

Để xa tầm tay trẻ em

Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng

Không được tiêm

Thông báo ngay cho bác sỹ hoặc dược sỹ những phản ứng có hại gặp phải khi sử dụng thuốc.

1. THÀNH PHẦN CÔNG THỨC THUỐC

Mỗi 10 ml dung dịch chứa:

Thành phần hoạt chất: Carbocisteine 750 mg

Thành phần tá dược: Sodium hydroxide, Sorbitol solution (sorbitol 70%), glycerin, sucralose, edetate disodium, methylparaben, sodium dihydrogen phosphate dihydrate, hương dâu lỏng, ponceau 4R, nước tinh khiết.

2. DẠNG BẢO CHẾ

Dung dịch uống

Mô tả dạng bào chế: Dung dịch trong suốt, màu đỏ hồng, mùi thơm, vị ngọt.

3. CHỈ ĐỊNH

Thuốc này được chỉ định ở người lớn và trẻ em trên 15 tuổi để điều trị hỗ trợ các rối loạn đường hô hấp đặc trưng do tăng tiết chất nhầy, bao gồm cả bệnh tắc nghẽn đường hô hấp mạn tính.

4. CÁCH DÙNG, LIỀU DÙNG

CHỈ DÀNH CHO NGƯỜI LỚN VÀ TRẺ EM TRÊN 15 TUỔI

Liều dùng

Liều khuyến cáo là 1 ống/gói mỗi lần x 3 lần/ngày. Nên giảm liều xuống 1 ống/gói mỗi lần x 2 lần/ngày khi có đáp ứng thuốc mong muốn.

Cách dùng

Dùng đường uống.

5. CHỐNG CHỈ ĐỊNH

Bệnh nhân bị loét dạ dày cấp.

Bệnh nhân quá mẫn cảm với bất kỳ thành phần nào của thuốc.

6. CẢNH BÁO VÀ THẬN TRỌNG KHI DÙNG THUỐC

Những cơn ho có đờm là một yếu tố cơ bản trong việc bảo vệ phế quản-phổi.

Sự kết hợp của các thuốc làm biến đổi chất nhầy phế quản với các thuốc chống ho và/hoặc các thuốc làm khô dịch tiết (atropinic) là không hợp lý.

Cần thận trọng ở người cao tuổi, những người có tiền sử loét dạ dày tá tràng hoặc những người dùng đồng thời các thuốc gây xuất huyết tiêu hóa. Vì thuốc tiêu chất nhầy có thể phá vỡ hàng rào niêm mạc dạ dày nên cần thận trọng ở những bệnh nhân có tiền sử loét dạ dày tá tràng. Nếu xuất huyết tiêu hóa xảy ra, bệnh nhân nên ngừng thuốc.



Thuốc này có chứa methylparaben và có thể gây ra phản ứng dị ứng (đôi khi khởi phát

Thuốc này có chứa sorbitol. Bệnh nhân bị rối loạn không dung nạp fructose do di truyền không nên được chỉ định thuốc này.

Thuốc này có chứa natri. Thuốc này chứa 122,86 mg (5,34 mmol) natri mỗi đơn vị phân liều. Hàm lượng này nên được tính đến ở những bệnh nhân tuân theo chế độ ăn ít natri nghiêm ngặt.

7. SỬ DỤNG THUỐC CHO PHỤ NỮ CÓ THAI VÀ CHO CON BÚ

Phụ nữ có thai

Không có dữ liệu về việc sử dụng carbocisteine ở phụ nữ mang thai. Không thể rút ra kết luận nào về việc liệu carbocisteine có an toàn khi sử dụng trong thai kỳ hay không. Việc sử dụng carbocisteine ở phụ nữ mang thai không được khuyến khích, đặc biệt là trong ba tháng đầu.

Phụ nữ cho con bú

Không có dữ liệu về sự phân bố của carbocisteine trong sữa mẹ, sản xuất sữa hoặc ảnh hưởng đến trẻ sơ sinh bú sữa mẹ. Không thể rút ra kết luận nào về việc liệu carbocisteine có an toàn khi sử dụng trong thời kỳ cho con bú hay không. Không nên sử dụng carbocisteine ở phụ nữ đang cho con bú.

8. ẢNH HƯỞNG CỦA THUỐC LÊN KHẢ NĂNG LÁI XE, VẬN HÀNH MÁY MÓC

Carbocisteine ảnh hưởng không đáng kể đến khả năng lái xe và vận hành máy móc.

9. TƯƠNG TÁC, TƯƠNG Kỵ CỦA THUỐC

9.1. Tương tác thuốc

Không nên kết hợp thuốc tiêu đờm với thuốc chống ho và/hoặc các thuốc làm khô dịch tiết (atropinic).

9.2. Tương kỵ của thuốc

Do không có các nghiên cứu về tính tương kỵ của thuốc, không trộn lẫn thuốc này với các thuốc khác.

10. TÁC DỤNG KHÔNG MONG MUỐN CỦA THUỐC

Bảng tóm tắt các phản ứng có hại của thuốc (ADR) được phân loại theo tần suất xảy ra: rất thường gặp ($ADR \geq 1/10$), thường gặp ($1/100 \leq ADR < 1/10$), ít gặp ($1/1000 \leq ADR < 1/100$), hiếm gặp ($1/10000 \leq ADR < 1/1000$), rất hiếm gặp ($< 1/10000$), không xác định (không thể ước tính từ dữ liệu sẵn có).

Rối loạn hệ thống miễn dịch

Đã có báo cáo về phản ứng phản vệ, phát ban da dị ứng và phát ban cố định do thuốc.



Rối loạn tiêu hóa

Đã có báo cáo về tiêu chảy, buồn nôn, khó chịu vùng thượng vị và xuất huyết tiêu hóa xảy ra trong quá trình điều trị bằng carbocisteine.

Tân suất không rõ: nôn mửa, xuất huyết tiêu hóa.

Rối loạn da và mô dưới da

Đã có báo cáo về phát ban da và phát ban dị ứng da. Các trường hợp riêng lẻ của bệnh viêm da bong nước như hội chứng Stevens-Johnson và hồng ban đa dạng cũng đã được báo cáo.

Thông báo ngay cho bác sĩ hoặc dược sĩ những phản ứng có hại gặp phải khi sử dụng thuốc

Báo cáo các tác dụng không mong muốn

Việc báo cáo các tác dụng không mong muốn sau khi thuốc lưu hành là rất quan trọng. Điều này cho phép tiếp tục theo dõi đánh giá lợi ích/rủi ro của thuốc. Cần thông báo cho bác sĩ, dược sĩ đối với các phản ứng có hại gặp phải khi sử dụng thuốc hoặc báo cáo các phản ứng có hại của thuốc về Trung tâm Quốc gia về Thông tin thuốc và Theo dõi phản ứng có hại của thuốc.

11. QUÁ LIỀU VÀ XỬ TRÍ

Triệu chứng:

Rối loạn tiêu hóa là những triệu chứng thường gặp nhất khi dùng quá liều carbocisteine.

Xử trí:

Có thể giảm liều, rửa dạ dày và theo dõi tích cực.

12. QUY CÁCH ĐÓNG GÓI

Hộp 30 ống x 10 ml, ống màng PVC/PE

Hộp 30 gói x 10 ml, gói màng nhôm phức hợp

13. ĐIỀU KIỆN BẢO QUẢN, HẠN DÙNG, TIÊU CHUẨN CHẤT LƯỢNG CỦA THUỐC

Điều kiện bảo quản: Nơi khô ráo, nhiệt độ dưới 30°C, tránh ánh sáng.

Hạn dùng: 24 tháng kể từ ngày sản xuất.

Tiêu chuẩn chất lượng thuốc: TCCS

14. TÊN, ĐỊA CHỈ CỦA CƠ SỞ SẢN XUẤT THUỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM SOHA VIMEX

Địa chỉ: Đường N1 - Khu công nghiệp Yên Mỹ II, Thị trấn Yên Mỹ, Huyện Yên Mỹ, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam.